

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ THẮNG LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 160/CV-CTCP

"V/v: Giải trình về lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026 thay đổi hơn 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước"

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026

**CÔNG TY CỔ
PHẦN CÀ PHÊ
THẮNG LỢI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
DN: C=VN, L=ĐẮK LẮK, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 6000182456
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.20 16:25:01+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**
- Mã chứng khoán: **CFV**
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, Xã Ea Knuéc, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: 0262.3514362 Fax: 0262.3514365

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi xin giải trình về việc liên quan đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026 thay đổi hơn 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước cụ thể:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	118.799.690.149	22.274.107.580	96.525.582.569	433
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		118.799.690.149	22.274.107.580	96.525.582.569	433
Giá vốn hàng bán	11	6.2	114.730.647.014	23.012.010.108	91.718.636.906	399
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.069.043.135	(737.902.528)	4.806.945.663	651
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	2.699.921.692	561.627.860	2.138.293.832	381
Chi phí tài chính	23	6.4	2.631.067.988	286.095.892	2.344.972.096	820
Trong đó: Chi phí đi vay	24		1.969.419.777	215.957.342	1.753.462.435	812
Chi phí bán hàng	25	6.5	2.079.511.491	843.987.968	1.235.523.523	146
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.154.564.108	1.602.243.392	1.552.320.716	97
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.096.178.760)	(2.908.601.920)	1.812.423.160	62
Thu nhập khác	31	6.7	1.452.979.875	382.013.203	1.070.966.672	280
Chi phí khác	32	6.8	254.260.775	179.750.942	74.509.833	41
Lợi nhuận khác	40		1.198.719.100	202.262.261	996.456.839	493
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.540.340	(2.706.339.659)	2.808.879.999	104
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	20.508.068	-	20.508.068	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.032.272	(2.706.339.659)	2.788.371.931	103

Theo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 82 triệu đồng, tương đương tăng 2.788 triệu đồng (tỷ lệ cải thiện so với mức lỗ đạt 103%) so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 3/2026 đạt 118.800 triệu đồng, tăng 96.526 triệu đồng (tăng 433%) so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đưa vào vận hành thêm nhà xưởng và đầu tư hệ thống máy móc mới, qua đó tăng cao sản lượng và doanh thu xuất khẩu.

Qua đó, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 4.069 triệu đồng, tăng 4.807 triệu đồng (tăng 651%).

Chi phí tài chính quý 3/2026 là 2.631 triệu đồng, tăng 2.344 triệu đồng (tăng 820%), do nhu cầu vay vốn tạo dòng tiền để thu mua hàng hóa và xuất khẩu tăng cao tương ứng với doanh thu bán hàng.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty về việc liên quan đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026 thay đổi hơn 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước. Công ty cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VT-TV

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người

UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc